TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H TỈNH K. T	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2023
Về việc: "*Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H, TỈNH K. T

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Quách Văn N.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Đ và bà Phạm Thị Gi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị D- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T tham gia phiên tòa:*** Bà Đàm Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc *"Xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L. Sinh năm: 1980. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công C; sinh năm: 1970; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ. KĐ, xã Đ. Ng, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C qua thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi, có sự chứng kiến của họ hàng, bạn bè vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Chị L và anh C đến với nhau trên tinh thần tự nguyện và không ai bị ép buộc, lừa dối. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cũng có những mâu thuẫn nhưng vì con cái nên nhẫn nhịn, làm ăn tạo dựng cuộc sống để lo cho con ăn học trưởng thành. Trong suốt quá trình sinh sống cùng nhau cũng không ít lần xô xát, phá phách đồ đạc, nhà cửa. Vợ chồng dần có khoảng cách, không tìm được tiếng nói chung, mất đi sự quan tâm, thấu hiểu nhau. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị Phạm Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công C.

Về con chung: chị Phạm Thị L trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn

Công Q; sinh ngày 20/12/1998 và Nguyễn Công Tr; sinh ngày: 27/4/2003. Các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn*: Anh Nguyễn Công C trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh C nhất trí như chị Phạm Thị L đã trình bày. Năm 1997 anh C và chị L có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, được gia đình họ hàng chứng kiến nhưng không đăng ký kết hôn. Từ đấy anh C, chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L có quan hệ bất chính với người khác nên đã sống ly thân hơn một năm nay. Về con chung và tài sản chung, nợ chung thì thống nhất như chị L trình bày, các con đã lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C. Về con chung và tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc "*Xin ly hôn*". Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ. KĐ, xã Đ. Ng, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L chung sống với anh Nguyễn Công C từ năm 1997 cho đến nay trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh, chị sinh được hai người con chung là Nguyễn Công Q; sinh ngày 20/12/1998 và Nguyễn Công Tr; sinh ngày: 27/4/2003. Qua xác minh và người thân xác định chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C hiện đang sinh sống tại Thôn Đ. KĐ, xã Đ. Ng, huyện Đ. H, tỉnh K. T và không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn . Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiến bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "V*iệc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...*"; *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*. Trong vụ án này chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C về chung sống với nhau, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C.

[2.2] *Về con chung:* Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C có hai người con chung là Nguyễn Công Q; sinh ngày 20/12/1998 và Nguyễn Công Tr; sinh ngày: 27/4/2003. Hiện hai cháu đã trên 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Phạm Thị L phải chịu án phí theo quy định.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2022 của chị Phạm Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C; không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Về con chung: Các con chung trên 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) chị Phạm Thị L đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001716 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2023) chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Công C có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh,
-VKSND huyện,
-Chi cục THADS huyện,
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Quách Văn N